
TOÁN

Tiết 22: TÌM SỐ TRUNG BÌNH CỘNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Bước đầu hiểu thế nào là trung bình cộng của nhiều số .

2. Kỹ năng

- Biết tìm số trung bình cộng của 2, 3, 4 số.

- Vận dụng giải được các bài toán liên quan

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài.

4. Góp phần phát huy các năng lực

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* BT cần làm: BT 1 (a, b, c); bài 2

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Hình vẽ và đề bài toán a, b phần bài học SGK viết sẵn trên bảng phụ hoặc băng giấy.

-HS: VBT, bảng con.

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, trò chơi học tập

- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động (5p) - Tổ chức trò chơi củng cố cách chuyển đổi các số đo thời gian - TK trò chơi- Dẫn vào bài	- Chơi trò chơi Chuyển điện
2. Hình thành kiến thức mới: (15p) * Mục tiêu: HS bước đầu nhận biết được số trung bình cộng của nhiều số. * Cách tiến hành: a. Giới thiệu số trung bình cộng và cách tìm số trung bình cộng:	
a. Bài toán 1: Giới thiệu số TBC - GV yêu cầu HS đọc đề toán. + <i>Có tất cả bao nhiêu lít dầu ?</i> + <i>Nếu rót đều số dầu ấy vào 2 can thì mỗi can có bao nhiêu lít dầu ?</i> - GV yêu cầu HS trình bày lời giải bài toán. - GV: Can thứ nhất có 6 lít dầu, can	- HS đọc- Trả lời cá nhân + <i>Có tất cả $4 + 6 = 10$ lít dầu.</i> + <i>Mỗi can có $10 : 2 = 5$ lít dầu.</i> -1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào nháp.

thứ hai có 4 lít dầu. Nếu rót đều số dầu này vào hai can thì mỗi can có 5 lít dầu, ta nói trung bình mỗi can có 5 lít dầu. Số 5 được gọi là số trung bình cộng của hai số 4 và 6.

+ Can thứ nhất có 6 lít dầu, can thứ hai có 4 lít dầu, vậy trung bình mỗi can có mấy lít dầu ?

+ Số TBC của 6 và 4 là mấy?

+ Dựa vào cách giải thích của bài toán trên bạn nào có thể nêu cách tìm số trung bình cộng của 6 và 4 ?

- Câu hỏi gợi ý của GV:

+ Bước thứ nhất trong bài toán trên, chúng ta tính gì ?

+ Để tính số lít dầu rót đều vào mỗi can, chúng ta làm gì ?

+ Như vậy, để tìm số dầu trung bình trong mỗi can chúng ta đã lấy tổng số dầu chia cho số can.

+ Tổng $6 + 4$ có mấy số hạng ?

+ Để tìm số trung bình cộng của hai số 6 và 4 chúng ta tính tổng của hai số rồi lấy tổng chia cho 2, 2 chính là số các số hạng của tổng $4 + 6$.

* Quy tắc;

b. Bài toán 2: Vận dụng

-GV nhận xét bài làm của HS và hỏi:

+ Ba số 25, 27, 32 có trung bình cộng là bao nhiêu ?

-HS nghe giảng.

+ Trung bình mỗi can có 5 lít dầu.

+ Số trung bình cộng của 4 và 6 là 5.

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm 2 với nhau để tìm theo yêu cầu.

+ Tính tổng số dầu trong cả hai can dầu.

+ Thực hiện phép chia tổng số dầu cho 2 can.

+ Có 2 số hạng.

- HS rút ra quy tắc:

* Muốn tìm số TBC của nhiều số, ta tính tổng các số đó, rồi chia tổng đó cho các số hạng.

-HS đọc đề bài- Hỏi đáp nhóm đôi về bài toán

+ Bài toán cho ta biết những gì ?

+ Bài toán hỏi gì ?

+ Em hiểu câu hỏi của bài toán như thế nào ?

- HS lên bảng, lớp làm bài cá nhân vào nháp- Chi sẻ nhóm 2

Giải:

Tổng số HS của 3 lớp là:

$$25 + 27 + 32 = 84 \text{ (HS)}$$

Trung bình mỗi lớp có:

$$84 : 3 = 28 \text{ (HS)}$$

Đáp số: 28 HS

+ Là 28.

<p>+ Muốn tìm số trung bình cộng của ba số 25, 27, 32 ta làm thế nào ?</p> <p>+ Hãy tính trung bình cộng của các số 32, 48, 64, 72.</p> <p>- GV yêu cầu HS tìm số trung bình cộng của một vài trường hợp khác với những HS M3, M4</p>	<p>+ Ta tính tổng của ba số rồi lấy tổng vừa tìm được chia cho 3.</p> <p>+ Trung bình cộng là $(32 + 48 + 64 + 72) : 4 = 54$.</p>
<p>2. Hoạt động thực hành (30p)</p> <p>* Mục tiêu: HS biết cách tính trung bình cộng của nhiều số và vận dụng giải các BT liên quan</p> <p>* Cách tiến hành</p>	
<p>Bài 1: (a,b,c) Tìm số TBC.</p> <p>- HSNK hoàn thành cả bài</p> <p>- GV chữa bài. Lưu ý HS chỉ cần viết biểu thức tính số trung bình cộng là được, không bắt buộc viết câu trả lời.</p> <p>Bài 2</p> <p>+ Bài toán cho biết gì ?</p> <p>+ Bài toán yêu cầu chúng ta tính gì ?</p> <p>- GV thu nhận xét, đánh giá bài làm của HS</p> <p>Bài 3 (bài tập chờ dành cho HS hoàn thành sớm)</p> <p>4. Hoạt động ứng dụng (1p)</p>	<p>Cá nhân-Lớp</p> <p>- HS làm bài cá nhân vào nháp và chia sẻ trước lớp</p> <p>a. $(42+52):2= 46$</p> <p>b. $(36+42+57) : 3 = 45$</p> <p>c. $(34+ 43+ 52+ 39): 4 = 42$</p> <p>- HS nhắc lại cách tìm số TBC của nhiều số</p> <p>Cá nhân- Nhóm- Lớp</p> <p>- Học sinh đọc yêu cầu đề</p> <p>+ Số cân nặng của 4 bạn Mai, Hoa, Hưng, Thịnh.</p> <p>+ Số cân nặng trung bình của mỗi bạn.</p> <p>- HS lớp làm vào VBT- Chia sẻ nhóm 2</p> <p>- 1 HS lên bảng</p> <p style="text-align: center;">Bài giải :</p> <p style="text-align: center;">Cả bốn em cân nặng là : $36+38+40+34=148(\text{kg})$ TB mỗi em cân nặng là $148 : 4 = 37 (\text{kg})$ Đáp số : 37 kg</p> <p>- HS làm bài vào vở Tự học. TBHT chữa bài theo từng nhóm</p> <p style="text-align: center;">Bài giải</p> <p style="text-align: center;">Tổng của các số tự nhiên là: $1+2+3+.....+9 = 45$ Trung bình cộng của các số đó là: $45 : 9 = 5$ Đáp số: 5</p> <p>- Ghi nhớ các bước tìm số TBC</p>

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....
.....
.....
.....

LỊCH SỬ (VNEN)

BUỔI ĐẦU DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC (T3)

.....
.....
.....
.....

LỊCH SỬ (CT HIỆN HÀNH)

NƯỚC TA DƯỚI ÁCH ĐÔ HỘ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết được thời gian đô hộ của phong kiến phương Bắc đối với đất nước ta: từ năm 179 TCN đến năm 938.
- Nêu đôi nét về đời sống cực nhục của nhân dân ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc (một vài điểm hình, sơ giản về việc nhân dân ta phải cống nạp những sản vật quý, đi lao dịch, bị cưỡng bức theo phong tục của người Hán).

2. Kỹ năng

- Kỹ năng so sánh, thống kê và lập bảng thống kê

3. Thái độ

- Giáo dục HS lòng tự hào dân tộc

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL ngôn ngữ, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- * *GDTTHCM: Nhân dân ta không cam chịu làm nô lệ, liên tục đứng lên khởi nghĩa đánh đuổi quân xâm lược, giữ gìn nền độc lập.*

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bản đồ – kế hoạch bài học.



- HS: SGK, vở ghi, bút,..

2. Phương pháp, kĩ thuật

- PP: Hỏi đáp, quan sát, thảo luận nhóm.

- KT: Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh												
<p>1. Khởi động: (4p)</p> <p>+ <i>Nước Âu Lạc ra đời trong hoàn cảnh nào?</i></p> <p>+ <i>Thành tựu lớn nhất của nước Âu Lạc là gì?</i></p> <p>-GV nhận xét, khen/động viên, dẫn vào bài mới</p>	<p>- TBHT điều hành các bạn trả lời và nhận xét, bổ sung</p> <p>+ <i>Năm 218, quân Tần tràn xuống xâm lược các nước phương Nam...</i></p> <p>+ <i>Kỹ thuật chế tạo ra nỏ bắn được nhiều mũi tên và việc xây dựng thành Cổ Loa.</i></p>												
<p>2. Bài mới: (30p)</p> <p>* Mục tiêu:- Biết được thời gian đô hộ của phong kiến phương Bắc đối với đất nước ta: từ năm 179 TCN đến năm 938.</p> <p>- Nêu đôi nét về đời sống cực nhục của nhân dân ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc</p> <p>* Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Lớp</p>													
<p>HĐ1: Làm việc nhóm 2</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc SGK từ “Sau khi Triệu Đà... của người Hán”</p> <p>+ <i>Sau khi thôn tính được nước ta, các triều đại PK PB đã thi hành những chính sách áp bức bóc lột nào đối với nhân dân ta như thế nào?</i></p> <p>-GV đưa ra bảng (để trống, chưa điền nội dung) so sánh tình hình nước ta trước và sau khi bị các triều đại phong kiến phương Bắc đô hộ</p> <p>-GV giải thích các khái niệm <i>chủ quyền, văn hoá</i>.</p>	<p>1. Nước ta bị PKPB đô hộ:</p> <p>-HS đọc và làm việc nhóm 2- Chia sẻ trước lớp:</p> <p>+ <i>Chúng chia nước ta thành nhiều quận, huyện do người Hán cai quản. Bắt dân ta lên rừng săn voi, tê giácĐưa người Hán sang ở lẫn với dân ta, bắt dân ta phải theo phong tục của người Hán...</i></p> <p>-HS điền nội dung vào các ô trống như ở bảng trong phiếu bài tập. Sau đó HS báo cáo kết quả làm việc của mình trước lớp.</p> <p>-HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <table border="1" data-bbox="846 1549 1406 1915"> <tr> <td data-bbox="846 1549 1013 1713">Thời gian</td> <td data-bbox="1013 1549 1192 1713">Trước năm 179 TCN</td> <td data-bbox="1192 1549 1406 1713">Từ năm 179 TCN đến năm 938</td> </tr> <tr> <td data-bbox="846 1713 1013 1835">Các mặt</td> <td data-bbox="1013 1713 1192 1835">Chủ quyền</td> <td data-bbox="1192 1713 1406 1835">Là một nước độc lập</td> </tr> <tr> <td data-bbox="846 1835 1013 1915">Kinh tế</td> <td data-bbox="1013 1835 1192 1915">Độc lập và tự chủ</td> <td data-bbox="1192 1835 1406 1915">Trở thành quận, huyện của PKPB</td> </tr> <tr> <td data-bbox="846 1915 1013 1915"></td> <td data-bbox="1013 1915 1192 1915"></td> <td data-bbox="1192 1915 1406 1915">Bị phụ thuộc</td> </tr> </table>	Thời gian	Trước năm 179 TCN	Từ năm 179 TCN đến năm 938	Các mặt	Chủ quyền	Là một nước độc lập	Kinh tế	Độc lập và tự chủ	Trở thành quận, huyện của PKPB			Bị phụ thuộc
Thời gian	Trước năm 179 TCN	Từ năm 179 TCN đến năm 938											
Các mặt	Chủ quyền	Là một nước độc lập											
Kinh tế	Độc lập và tự chủ	Trở thành quận, huyện của PKPB											
		Bị phụ thuộc											

	Văn hoá	Có phong tục tập quán riêng	Phải theo phong tục của người Hán, học chữ Hán nhưng nhân dân ta vẫn giữ gìn bản sắc dân tộc.																				
<p>- Nhận xét, kết luận.</p> <p>Hoạt động 2: nhóm:</p> <p>- GV phát PBT cho các nhóm 4, cho HS đọc SGK và điền các thông tin về các cuộc khởi nghĩa.</p> <p>- GV đưa bảng thống kê có (có ghi thời gian diễn ra các cuộc khởi nghĩa, cột ghi các cuộc khởi nghĩa để trống), yêu cầu HS thảo luận, báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>2. Các cuộc khởi nghĩa lớn của nhân dân ta:</p> <p>- HS thảo luận làm bài tập theo nhóm 4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng và báo cáo trước lớp:</p>																						
<p><i>-GV: Nước ta bị bọn phong kiến phương Bắc đô hộ suốt gần một ngàn năm, các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta liên tiếp nổ ra. Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã mở ra một thời kì độc lập lâu dài của dân tộc ta.</i></p> <p>3. Hoạt động ứng dụng (1p)</p> <p>- GV cho HS đọc ghi nhớ trong khung.</p> <p>- GV tổng kết và giáo dục tư tưởng HCM cũng như lòng tự hào dân tộc</p> <p>4. Hoạt động sáng tạo (1p)</p>	<table border="1"> <thead> <tr> <th><i>Thời gian</i></th> <th><i>Các cuộc khởi nghĩa</i></th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năm 40</td> <td>Kn Hai Bà Trưng.</td> </tr> <tr> <td>Năm 248</td> <td>Kn Bà Triệu.</td> </tr> <tr> <td>Năm 542</td> <td>Kn Lý Bí.</td> </tr> <tr> <td>Năm 550</td> <td>Kn Triệu .Q.Phục.</td> </tr> <tr> <td>Năm 722</td> <td>Kn Mai .T .Loan.</td> </tr> <tr> <td>Năm 776</td> <td>Kn Phùng Hùn.</td> </tr> <tr> <td>Năm 905</td> <td>Kn Khúc. T. Du .</td> </tr> <tr> <td>Năm 931</td> <td>Kn Dương.Đ. Nghệ</td> </tr> <tr> <td>Năm 938</td> <td>C thắng B. Đằng.</td> </tr> </tbody> </table>			<i>Thời gian</i>	<i>Các cuộc khởi nghĩa</i>	Năm 40	Kn Hai Bà Trưng.	Năm 248	Kn Bà Triệu.	Năm 542	Kn Lý Bí.	Năm 550	Kn Triệu .Q.Phục.	Năm 722	Kn Mai .T .Loan.	Năm 776	Kn Phùng Hùn.	Năm 905	Kn Khúc. T. Du .	Năm 931	Kn Dương.Đ. Nghệ	Năm 938	C thắng B. Đằng.
<i>Thời gian</i>	<i>Các cuộc khởi nghĩa</i>																						
Năm 40	Kn Hai Bà Trưng.																						
Năm 248	Kn Bà Triệu.																						
Năm 542	Kn Lý Bí.																						
Năm 550	Kn Triệu .Q.Phục.																						
Năm 722	Kn Mai .T .Loan.																						
Năm 776	Kn Phùng Hùn.																						
Năm 905	Kn Khúc. T. Du .																						
Năm 931	Kn Dương.Đ. Nghệ																						
Năm 938	C thắng B. Đằng.																						
	<p>- Tìm đọc các thông tin về cuộc khởi nghĩa HBT và cuộc khởi nghĩa Ngô Quyền</p>																						

ĐIỀU CHỈNH-BỔ SUNG

.....

.....

.....

Thứ tư ngày 3 tháng 10 năm 2017

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRUNG THỰC - TỰ TRỌNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Biết thêm một số từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ và từ Hán Việt thông dụng) về chủ điểm Trung thực - Tự trọng (BT4);
- Nắm được nghĩa từ “tự trọng” (BT3).
- Biết thêm các thành ngữ, tục ngữ về lòng tự trọng, trung thực

2. Kỹ năng

- Tìm được 1,2 từ đồng nghĩa, trái nghĩa với từ trung thực và đặt câu với một từ tìm được (BT1, BT2) ;

3. Thái độ

- Thấy được sự phong phú của Tiếng Việt để thêm yêu TV

4. Góp phần phát triển các năng lực

- NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ngôn ngữ, NL thẩm mỹ.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Bảng lớp viết sẵn VD của phần nhận xét, giấy khổ to, bút dạ, Từ điển (hoặc vài trang pho to), Bảng phụ kẻ sẵn nội dung bài tập 1; 2.
- HS: vở BT, bút, ...

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi đáp, thảo luận nhóm.
- KT: Kỹ thuật đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS				
1. Khởi động - GV chuyển ý vào bài mới.	- TBVN điều khiển cho lớp hát tập thể, vận động tại chỗ				
2. Hình thành kiến thức mới: (15p) * Mục tiêu: HS hiểu được nghĩa của từ, ngữ, các câu thành ngữ, tục ngữ thuộc chủ điểm trên. Tìm được từ cùng nghĩa, trái nghĩa... * Cách tiến hành: Cá nhân-Nhóm-Cả lớp					
Bài 1: Tìm từ cùng nghĩa, trái nghĩa với từ : trung thực . - Tổ chức cho hs làm bài theo nhóm, ghi kết quả vào bảng nhóm.	- Hs đọc yêu cầu. - HS làm việc nhóm 4 – báo cáo trước lớp Đáp án: <table border="1"><thead><tr><th>Từ cùng nghĩa với Trung thực</th><th>Từ trái nghĩa với Trung thực</th></tr></thead><tbody><tr><td>thẳng thắn, thẳng tính, ngay thẳng, chân thật, thật thà, thật lòng, chính trực, bộc trực..</td><td>gian dối, xảo trá, gian lận, lưu manh, gian manh, lừa bịp, lừa đảo...</td></tr></tbody></table>	Từ cùng nghĩa với Trung thực	Từ trái nghĩa với Trung thực	thẳng thắn, thẳng tính, ngay thẳng, chân thật, thật thà, thật lòng, chính trực, bộc trực..	gian dối, xảo trá, gian lận, lưu manh, gian manh, lừa bịp, lừa đảo...
Từ cùng nghĩa với Trung thực	Từ trái nghĩa với Trung thực				
thẳng thắn, thẳng tính, ngay thẳng, chân thật, thật thà, thật lòng, chính trực, bộc trực..	gian dối, xảo trá, gian lận, lưu manh, gian manh, lừa bịp, lừa đảo...				

- Kết luận về các từ đúng.

Bài 2. Đặt câu

- Nhận xét, chữa:

+ *Khi đặt câu cần lưu ý điều gì?*

Bài 3: Tìm nghĩa của từ : **tự trọng**

- Tổ chức cho hs tự tìm từ hoặc mở từ điển tìm nghĩa của từ theo yêu cầu .Nêu miệng kết quả.

+ *Tìm các từ đúng với nghĩa của các ý a,b,d?*

Bài 4: Tìm thành ngữ, tục ngữ.

- TBHT điều hành báo cáo:

+ *Những thành ngữ, tục ngữ nào nói về lòng trung thực*

+ *Những thành ngữ, tục ngữ nào hoặc lòng tự trọng?*

- HD hs giải nghĩa một số thành ngữ, tục ngữ trên.

* GV có thể mở rộng nghĩa của các câu thành ngữ, tục ngữ cho HS hiểu thêm.

VD:

+ *Ăn ngay ở thẳng: Sống thẳng thắn, chính trực, thật thà, trung thực.*

+ *Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng: Thuốc thật, thuốc tốt thường có vị đắng, khó uống nhưng lại rất công hiệu trong việc trị bệnh. Nói thẳng, nói thật là tốt và cần thiết nhưng nhiều khi lại làm cho người nghe không hài lòng, nhất là nói không khéo, không đúng chỗ.*

4. Hoạt động ứng dụng (1p)

- HS giơ thẻ mặt cười (đúng), mặt mếu (sai) với mỗi trường hợp.

Cá nhân-Nhóm 2-Lớp

- HS đặt câu cá nhân – Đòi chéo vở kiểm tra và báo cáo trước lớp

- 1 HS đặt câu trên bảng

+ *Về hình thức: Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm*

+ *Về nội dung: Diễn đạt trọn vẹn ý nghĩa*

- Hs mở từ điển làm bài cá nhân- Chia sẻ trước lớp

- **Tự trọng:** coi trọng và giữ gìn phẩm giá của mình (ý c)

+ a) *tự tin* b) *tự quyết* c) *tự kiêu*

- HS làm N4 dưới sự điều hành của nhóm trưởng

+ *Các thành ngữ, tục ngữ nói về lòng trung thực: a, c, d*

+ *Các thành ngữ, tục ngữ nói về lòng tự trọng : b, e.*

- HS lắng nghe.

- HS đặt câu để hiểu sâu hơn nghĩa các

5. Hoạt động sáng tạo (1p)	câu thành ngữ, tục ngữ BT4 - Tìm các câu thành ngữ, tục ngữ khác nói về tính trung thực, tự trọng
-----------------------------------	--

ĐIỀU CHỈNH – BỔ SUNG

.....

.....

.....

TOÁN

Tiết 23: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức

- Củng cố KT về tìm số TBC và vận dụng các bài toán liên quan

2. Kỹ năng

- Tính được trung bình cộng của nhiều số.
- Bước đầu biết giải toán về tìm số trung bình cộng

3. Thái độ

- Tích cực, tự giác học bài, trình bày bài sạch sẽ, khoa học

4. Góp phần phát triển các kỹ năng

- Năng lực tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL tư duy - lập luận logic.

* BT cần làm: BT1; 2; 3.

II. CHUẨN BỊ:

1. Đồ dùng

- GV: Phiếu học tập, Bảng phụ.
- HS: Bút, SGK, ...

2. Phương pháp, kỹ thuật

- PP: Quan sát, hỏi - đáp, thực hiện bảng con, bảng nhóm.
- KT: đặt câu hỏi, trình bày 1 phút, động não, tia chớp, chia sẻ nhóm đôi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động (3p) - GV dẫn vào bài	- TBVN điều hành lớp hát và vận động tại chỗ
2. Hoạt động thực hành: (30p) * Mục tiêu: - Tính được trung bình cộng của nhiều số. - Bước đầu biết giải toán về tìm số trung bình cộng * Cách tiến hành: Cá nhân – Nhóm – Lớp	
Bài 1: Tìm số trung bình cộng của các số sau: - GV yêu cầu HS nêu cách tìm số trung bình cộng của nhiều số rồi tự làm bài.	Cá nhân- Cả lớp - 2 HS lên bảng làm bài, HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài làm của bạn. Đáp án:

Bài 2+ Bài 3

-GV gọi HS đọc đề bài.

- Giáo dục ăn uống đầy đủ và chăm tập thể dục để phát triển chiều cao

- GV nhận xét, đánh giá chung

Bài 4+ Bài 5: Bài tập chờ (dành cho HS hoàn thành sớm)

4. HĐ ứng dụng (1p)

5. HĐ sáng tạo (1p)

a. $(96+ 121+ 143): 3 = 120$

b. $(35+ 12+ 24+ 21+ 43): 5 = 27$

- HS đọc đề bài, phân tích đề.

-Tự làm việc cá nhân trong nhóm 4. Các thành viên của nhóm giúp đỡ nhau hoàn thành 2 bài tập này

- Đại diện nhóm chia sẻ bài làm trước lớp (bảng phụ)

- TBHT điều hành các bạn nhận xét, chữa bài

Bài 2: Bài giải

Số dân tăng thêm của cả ba năm là:

$$96+ 82+ 71 = 249 \text{ (người)}$$

Trung bình mỗi năm dân số xã đó tăng thêm số người là:

$$249: 3 = 83 \text{ (người)}$$

Đáp số: 83 người

Bài 3

Bài giải

Tổng số đo chiều cao của 5 học sinh là:

$$138+132+130+136+134=670\text{(cm)}$$

Trung bình số đo chiều cao của mỗi HS là : $670:5= 134\text{(cm)}$

Đáp số : 134cm

- HS làm bài vào vở Tự học

Bài 4: Tổng số tấn thực phẩm 9 ô tô đã chở là:

$$36 \times 5+45 \times 4= 360 \text{ (tạ)}$$

$$\text{Đổi } 360 \text{ tạ} = 36 \text{ tấn}$$

Trung bình mỗi ô tô chở được số tấn thực phẩm là:

$$36 : 9 = 4 \text{ (tấn)}$$

Đáp số: 4 tấn

Bài 5: a. Tổng của 2 số là:

$$9 \times 2= 18$$

Số thứ hai là:

$$18 - 12 = 6$$

Đáp số: 6

- Ghi nhớ cách tìm số TBC

- Tìm các bài tập cùng dạng trong sách Toán buổi 2 và giải